

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2023

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Xuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Long Giang;

Bà Võ Thị Tổng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: tổ 15, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi sinh sống: đường N16, khu phố S, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: tổ 16, ấp Q, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Nhà trọ Hà Phát Đ, đường N10, khu dân cư 5D, tổ 9, khu phố L, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: chị T đăng ký kết hôn với anh Lê Hoàng N tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25 tháng 12 năm 2020 (Giấy

chứng nhận kết hôn số 102); hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì anh N mê cờ bạc, không lo làm ăn. Đến năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị T nhiều lần khuyên nhưng anh N vẫn không thay đổi tính tình. Từ ngày 10 tháng 4 năm 2022, chị T và anh N không sống chung với nhau đến nay. Nay, chị T nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh N nên yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: anh chị không có con chung.

Về chia tài sản và nợ chung: chị T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hoàng N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh N đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống nhưng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân chị T cho rằng anh N mê cờ bạc, không lo cho gia đình; từ ngày 10 tháng 4 năm 2022 đến nay, anh chị không còn sống chung với nhau. Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, chị T và anh N là vợ chồng nhưng có nơi sinh sống khác nhau, không sống chung với nhau là đã không giữ gìn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh N bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân

và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, quyết định cho chị T và anh N ly hôn.

Về nuôi con chung: chị T và anh N không có con chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ chung: chị T và anh N không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí:

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T đối với anh Lê Hoàng N về việc tranh chấp về ly hôn.

Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Kim T ly hôn anh Lê Hoàng N.

Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Lê Hoàng N không có con chung nên chị Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ chung: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Lê Hoàng N không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0009323 ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương. Chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- UBND X.T, H.T, T.Đông Tháp;  
(Giấy CNKH số 102, đăng ký ngày 25/12/2020)
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Kim Xuyên**